

Số: 2 8 7 4 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí năm 2022
Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong
Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025,
tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017- 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4718/QĐ-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí năm 2022 Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Công Thương.

Điều 2. Kinh phí Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của năm 2022 là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn).

Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước cấp.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch; Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hiệu trưởng các trường thuộc Bộ; Tổng Giám đốc các Tổng công ty thuộc Bộ Công Thương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- Tổng cục Thống kê (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KH (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2022
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG
TRONG HỆ THỐNG THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2017 - 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 7 4/QĐ- BCT ngày 22 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (1.000 đồng)	Số lượng	Thành tiền (1.000 đồng)
A	B	C	I	2	3=I*2
	TỔNG CỘNG				6,000,000
1	Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông (Mua 03 máy chủ cho 3 phần mềm thống kê)	Máy chủ	300,000	3	900,000
2	Khảo sát, lập phương án xây dựng module kết nối, trao đổi và chia sẻ dữ liệu thông tin thống kê trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và trong hệ thống thống kê nhà nước	Hợp đồng	300,000	1	300,000
3	Xây dựng module kết nối, liên thông, trao đổi và chia sẻ dữ liệu thông tin thống kê trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và trong hệ thống thống kê nhà nước	Hợp đồng	4,000,000	1	4,000,000
4	Cập nhật Cơ sở dữ liệu thống kê trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương	Hợp đồng	90,000	1	90,000
5	Sửa đổi, hoàn thiện các phần mềm chế độ báo cáo thống kê				180,000
	Sửa đổi, hoàn thiện phần mềm Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hợp đồng	90,000	1	90,000
	Sửa đổi, hoàn thiện phần mềm Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ	Hợp đồng	90,000	1	90,000
6	Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức thống kê; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho người làm công tác thống kê (280 người - 3 miền)	Hội nghị		3	174,100
6.1	Miền Bắc				48,400
	Báo cáo viên	Buổi	2,000	2	4,000
	Pano, hội trường		20,000	1	20,000

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (1.000 đồng)	Số lượng	Thành tiền (1.000 đồng)
A	B	C	I	2	3=I*2
	Photocopy tài liệu	Bộ	50	180	9,000
	Nước uống	Người/ngày	40	180	7,200
	Công tác phí (4 người * 2 ngày)	Người	200	8	1,600
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (1 đêm)	Phòng	1,000	3	3,000
	Văn phòng phẩm	Bộ	20	180	3,600
6.2	Miền Trung				56,800
	Báo cáo viên	Buổi	2,000	2	4,000
	Pano, hội trường		15,000	1	15,000
	Photocopy tài liệu	Bộ	50	60	3,000
	Nước uống	Người/ngày	40	60	2,400
	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (Hà Nội - Miền Trung)	Người	5,700	4	22,800
	Công tác phí (4 người * 3 ngày)	Người	200	12	2,400
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (2 đêm)	Phòng	1,000	6	6,000
	Văn phòng phẩm	Bộ	20	60	1,200
6.3	Miền Nam				68,900
	Báo cáo viên	Buổi	2,000	2	4,000
	Pano, hội trường		20,000	1	20,000
	Photocopy tài liệu	Bộ	50	70	3,500
	Nước uống	Người/ngày	40	70	2,800
	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (Hà Nội - Miền Nam)	Người	7,200	4	28,800
	Công tác phí (4 người * 3 ngày)	Người	200	12	2,400
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (2 đêm)	Phòng	1,000	6	6,000
	Văn phòng phẩm	Bộ	20	70	1,400
7	Chi phí quản lý (điện, nước, điện thoại...)				355,900

Bảng chữ: Sáu tỷ đồng chẵn./.